

## VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN TRONG THẾ KỈ 21

Nguyễn Văn Tuấn

*Bài này tôi viết cũng khá lâu (gần 10 năm). Hôm nay xem lại thư mục của mình mới thấy nó, và gửi lên đây để các bạn cùng đọc. Tôi chưa gửi bài này cho ai cả. Có lẽ tôi sẽ gửi cho Tuấn Việt Nam của Vietnamnet.*

NVT

Người ta thường nói thế kỉ 20 là thế kỉ của ý thức hệ, bởi vì trong suốt 100 năm liền, người ta tranh chấp nhau giữa các chủ nghĩa (xã hội, tư bản, độc quyền, phát-xít, v.v...). Trong cuộc tranh chấp dai dẳng đó, lằn ranh chia cách các quốc gia là ý thức hệ. Người ta phân biệt các quốc gia qua chủ nghĩa, và cao điểm của sự phân biệt đó là cuộc *Chiến tranh lạnh*. Đến cuối thế kỉ 20, cuộc tranh chấp ý thức hệ chấm dứt, và kéo theo đó là sự cáo chung của cuộc chiến tranh lạnh giữa khối xã hội chủ nghĩa và khối tư bản chủ nghĩa.

Thế kỉ 21 là thế kỉ của văn hóa. Trong tương lai các quốc gia trên thế giới sẽ qui tụ với nhau thành nhiều nhóm dựa trên văn hóa và tôn giáo, nhưng không dựa trên ý thức hệ trong thời gian qua. Trong thế kỉ 21, người ta sẽ hỏi “Anh là ai” thay vì thay vì “Anh thuộc phe nào” như trong thời Chiến tranh lạnh. Câu hỏi đó thể hiện một sự chuyển biến về tư duy từ phe phái sang diện mạo.

Nhưng diện mạo là gì? Câu trả lời trước tiên là căn cước tính, là dựa vào văn hóa, vì văn hóa gắn liền với con người trong thế giới hiện đại. Theo Giáo sư Samuel P. Huntington, sau thời kì Chiến tranh lạnh, các quốc gia trên thế giới sẽ

tập trung thành 8 nhóm theo tôn giáo và văn hóa: Tây phương (chủ yếu là các nước theo đạo Kitô giáo); Châu Mỹ Latin; Phi châu; Chính thống giáo (tức các nước Đông Âu như Nga, Ukraine ...); Ấn Độ giáo; Hồi giáo; Khổng giáo (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam); và một khối gồm các quốc gia khác như Nhật. Nói một cách khác, văn hóa sẽ che phủ cả hai chủ nghĩa dân tộc và ý thức hệ, nguyên là hai yếu tố quyết định mối liên hệ chính trị quốc tế trong thời Chiến tranh lạnh.

Vì thế, có thể tiên đoán rằng trong thế kỉ 21, những khác biệt, tương tác và xung đột giữa các nền văn hóa sẽ là những màn diễn chính trên sân khấu chính trị thế giới. Ngày nay, các nhà chính trị học, kinh tế học, và giới quân sự đang tập trung năng lực vào nghiên cứu văn hóa, và dùng nó như là một yếu tố để giải thích các hành vi xã hội cũng như kinh tế. Nói một cách ngắn gọn, văn hóa có giá trị chính trị, kinh tế, và xã hội, và hậu quả của văn hóa có thể tốt mà cũng có thể xấu.

Nhưng nếu văn hóa có giá trị đáng kể như thế, thì câu hỏi cần được đặt ra là “văn hóa là gì?” Nói một cách chung chung (theo cách diễn giải của Trần Ngọc Thêm), văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội. Nói một cách cụ thể hơn, văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động. Cách hiểu thứ hai này đã được cộng đồng quốc tế chấp nhận tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hóa họp năm 1970 tại Venice.

Khai triển từ định nghĩa đó, văn hoá có thể hiểu theo chiều hướng và không gian. Giới hạn theo không gian, văn hóa được dùng để chỉ những giá trị đặc thù của từng vùng (văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Nam Bộ). Giới hạn theo thời gian, văn hóa được dùng để chỉ những giá trị trong từng giai đoạn (văn hóa Hoà Bình, văn hóa Đông Sơn). Giới hạn theo chiều sâu, văn hóa được hiểu là những giá trị

tinh hoa của nó ( nếp sống văn hóa, văn hóa nghệ thuật). Giới hạn theo chiều rộng, văn hóa được dùng để chỉ những giá trị trong từng lĩnh vực (văn hóa giao tiếp, văn hóa kinh doanh). Dù theo chiều hướng hay không gian nào, cái mẫu số chung của văn hóa là *con người*. Trong suốt lịch sử hình thành và phát triển của mình, con người luôn sáng tạo không ngừng để làm nên các giá trị văn hóa. Một trong số những giá trị văn hóa được con người sáng tạo ra ấy chính là bản thân con người – *con người có văn hóa*. Con người sáng tạo ra văn hóa, đồng thời chính con người cũng là sản phẩm của văn hóa.

Quan hệ văn hóa với con người và xã hội là một phần của quan hệ bộ ba *con người - văn hóa - tự nhiên*. Trong quan hệ giữa văn hóa và tự nhiên, tự nhiên là cái có trước, tự nhiên qui định văn hóa. Văn hóa thường được định nghĩa như một “tự nhiên thứ hai”. Không có tự nhiên sẽ chẳng có văn hóa, bởi vì: (a) Thứ nhất, tự nhiên tạo nên con người; con người, đến lượt mình, lao động không ngừng để tạo nên văn hóa; như vậy, văn hóa là sản phẩm trực tiếp của con người và sản phẩm gián tiếp của tự nhiên. Văn hóa là cái tự nhiên được biến đổi bởi con người; và (b) thứ hai, trong quá trình sáng tạo văn hóa, con người vẫn phải sử dụng các tài nguyên phong phú của tự nhiên và năng lực tự nhiên tiềm tàng của chính mình. Các giá trị văn hóa không thể tồn tại được nếu không có tự nhiên làm môi trường và chất liệu cho nó: mọi sản phẩm vật chất đều chế tạo từ các vật liệu tự nhiên hoặc có nguồn gốc từ tự nhiên, và mọi sản phẩm tinh thần đều không thể tồn tại ngoài bộ não là cái vật chất tự nhiên sinh ra chúng.

Để làm rõ khái niệm “văn hóa”, cần phải phân biệt nó với một khái niệm có liên quan mật thiết là “văn minh” (civilization). Lâu nay, không ít người vẫn sử dụng “văn minh” như một từ đồng nghĩa với “văn hóa”. Thực ra, văn hoá và văn minh tuy là những khái niệm gần gũi, có liên quan mật thiết với nhau, song không đồng nhất. Văn hóa giàu tính nhân bản, nó hướng tới những giá trị muôn thuở; trong khi đó thì văn minh hướng tới sự hợp lí, sắp đặt cuộc sống sao cho tiện lợi”.

Nói đến văn minh, người ta chủ yếu nghĩ đến các tiện nghi vật chất. Như vậy, văn hóa và văn minh khác nhau trước hết là ở tính giá trị: trong khi văn hóa là một khái niệm bao trùm, chứa cả các giá trị vật chất lẫn tinh thần, thì văn minh thiên về các giá trị vật chất – kĩ thuật mà thôi.

Một thuộc tính quan trọng bậc nhất của văn hóa là nó có thể chi phối toàn bộ quá trình hình thành và phát triển của con người nói riêng và nhân loại nói chung. Văn hóa tổ chức và điều chỉnh xã hội, giúp con người giao tiếp và thông tin, văn hóa giáo dục và đưa con người gia nhập vào cộng đồng xã hội. Văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu và động lực phát triển của xã hội xuyên suốt thời gian và không gian. Văn hóa là chất men gắn kết con người lại với nhau.

### **Văn hóa toàn cầu ?**

Vài năm gần đây, nhiều người lí giải rằng một nền văn hóa toàn cầu đang được hình thành. Đối với họ, văn hóa đại đồng là tập hợp những ý tưởng về kinh tế, xã hội, và chính trị, cùng những giá trị đạo đức mà nhiều người trên thế giới công nhận. Có thể gọi văn hóa này là “Văn hóa Davos”, dùng tên gọi của một diễn đàn kinh tế thế giới được tổ chức hàng năm tại Thành phố Davos, Thụy Sĩ (còn gọi là World Economic Forum). Trong diễn đàn này, thành phần tham dự là những quan chức chính phủ, nhà kinh tế, thương gia, chính trị gia, nhà khoa bảng làm việc trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, và luật pháp. Họ là những người làm việc với chữ nghĩa và con số, nói thạo tiếng Anh, có nhiều liên hệ quốc tế. Họ cũng là những người có cùng quan điểm về chủ nghĩa cá nhân, kinh tế thị trường, và dân chủ chính trị, những điều mà người ta thường hay thấy hay biết như là những giá trị căn bản của văn hóa Tây phương. Họ là những người có khả năng chi phối hầu như mọi cơ quan quốc tế, có ảnh hưởng đến nhiều chính phủ trên thế giới, và kiểm soát tiềm năng quân sự trên các quốc gia nhỏ bé khác.

Văn hóa Davos, do đó, đóng một vai trò cực kì quan trọng trên thế giới. Tuy nhiên, trên bình diện thế giới, chỉ có một số rất nhỏ dân số chia sẻ văn hóa này. Thành ra, chắc còn lâu lắm Văn hóa Davos mới có khả năng trở thành một văn hóa toàn cầu, vì ngay cả những lãnh tụ chia sẻ loại văn hóa này cũng không nhất thiết nắm vững quyền lực trong xã hội của họ. Nhưng dù sao đi nữa, Văn hóa Davos là một sinh hoạt rất đáng kể, vì nó có ảnh hưởng đến quá trình toàn cầu hóa các hoạt động kinh tế ngày nay.

Quan niệm thứ hai về văn hóa toàn cầu là văn hóa tiêu thụ, một đặc điểm khác của văn hóa Tây phương. Trong lịch sử, một văn hóa từng được truyền đi từ nền văn minh này sang một nền văn minh khác. Những sáng kiến của một nền văn minh thường được các nền văn minh khác mô phỏng theo. Tuy nhiên, những một này thường là kỹ thuật hay công nghệ, tức là những sáng kiến không có hậu quả văn hóa lớn, chúng đến rồi đi mà không có khả năng làm thay đổi văn hóa của nền văn minh tiếp thu chúng.

Một quan niệm văn hóa toàn cầu khác, phức tạp hơn chút, đặt trọng tâm vào vai trò của hệ thống truyền thông. Trong lĩnh vực này, sự thống trị của Mỹ trong kỹ nghệ phim ảnh, truyền hình, và truyền thanh quả là rất lớn. Tuy nhiên, chưa có bằng chứng nào cho thấy sự ra đời của một hệ thống thông tin toàn cầu có thể làm thay đổi thái độ và niềm tin. Nhưng với thời gian, hệ thống truyền thông toàn cầu có thể dẫn đến một sự hội tụ những giá trị đạo đức và niềm tin trong các dân tộc khác nhau, dù thời gian cho quá trình này có thể sẽ rất lâu.

Năm trăm năm về trước, thế giới có nhiều nền văn hóa, nhưng là văn hóa truyền thống, không phải văn hóa hiện đại. Sau đó, quá trình hiện đại hóa kinh tế và xã hội ở Tây phương đã mở ra một khoảng cách giữa các xã hội Tây phương hiện đại và xã hội phi Tây phương, phi hiện đại. Ngày nay, hiện đại hóa đã trở thành một hiện tượng toàn cầu. Tất cả các nền văn hóa đang trở thành hiện đại, và theo ý thức này, sự khác biệt giữa Tây phương và các nước trên thế giới đang dần

dần biến mất. Tuy nhiên, hiện đại hóa không hẳn là Tây phương hóa. Một vài bằng chứng ở Nhật và Trung Quốc cho thấy quá trình hiện đại hóa cũng là quá trình củng cố các nền văn hóa hiện tại và do đó duy trì sự cá biệt của chúng. Chỉ 500 năm trước đây, nhiều nền văn hóa cùng tồn tại với nhau, do đó, trong thế kỉ sắp đến chúng ta có lí do để cho rằng các nền văn hóa sẽ cùng chung sống. Về lâu về dài, các nền văn hóa khác nhau sẽ đồng qui về một nền văn hóa toàn cầu, nhưng viễn ảnh này sẽ xảy ra trong một tương lai rất xa. Trong tương lai gần, hiện đại hóa sẽ làm hồi sinh các xã hội phi Tây phương.

Nền văn hóa của một xã hội có thể thay đổi qua quá trình hiện đại hóa, hay qua một sự kiện đột xuất (như Thế chiến thứ II đã làm thay đổi hai xã hội quân sự thành hai xã hội hòa bình), hay qua tác dụng của lãnh đạo chính trị. Nhìn chung, tuy nhiên, các bản sắc văn hóa sẽ duy trì rất lâu. Một nghiên cứu về mức độ hài lòng trong dân chúng ở các nước Tây Âu cho thấy điều này khá rõ ràng. Mặc dù có nhiều thay đổi về tình hình kinh tế trong vòng 15 năm qua, người Đan Mạch vẫn sung sướng, người Ý thì không. Một khi xã hội trở thành giàu hơn (về kinh tế), chúng cũng di chuyển từ truyền thống sang hiện đại và hậu hiện đại. Hiện đại hóa nhưng không hội tụ.

Khi các xã hội phi Tây phương bắt đầu hiện đại hóa, xã hội thường cố gắng noi theo các giá trị văn hóa của Tây phương. Một trăm năm về trước, một số người ở Nhật và Trung Quốc lí giải rằng quốc gia họ sẽ phải từ bỏ ngôn ngữ mình để dùng tiếng Anh hay tiếng Đức trong quá trình hiện đại hóa. Song, khi hiện đại hóa diễn ra, quần chúng có khuynh hướng quay về văn hóa của họ, như ngày nay chúng ta thấy họ đề cập đến những giá trị Á châu, và sự phục hưng tôn giáo ở nhiều nơi trên thế giới. Thế giới đang hiện đại hóa, nhưng không phải Tây phương hóa.

## Văn hóa và phát triển

Nhiều thập niên qua, các nhà kinh tế học đã phải bận rộn với câu hỏi “**Tại sao một số nước phát triển kinh tế nhanh và trở nên thịnh vượng, trong khi các nước khác dậm chân tại chỗ trong vũng lầy của nghèo nàn và lạc hậu?**” Công bằng mà nói, họ chưa tìm thấy câu trả lời thuyết phục dựa trên những lí thuyết kinh tế. Câu hỏi này đánh động rất nhiều người, trong đó có người viết bài này, với trường hợp của Hàn Quốc và Ghana. Vào thập niên 60, hai quốc gia này có cùng chỉ tiêu kinh tế (như mức thu nhập trên đầu dân bằng nhau, xuất khẩu tương đương nhau, mức độ viện trợ giống nhau, nền công nghệ sản xuất cũng tương đồng nhau, v.v...). Ba mươi năm sau, Hàn Quốc trở thành một nước có nền kĩ nghệ tiên tiến, với nhiều đại công ty xuất khẩu xe hơi và sản phẩm điện tử, thu nhập bình quân đầu người cao, trong khi Ghana dậm chân tại chỗ. Tại sao có sự khác nhau? Chấn chấn là có nhiều nguyên nhân và yếu tố dẫn đến sự khác biệt này, nhưng văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng có tính quyết định. Người Hàn Quốc cần kiệm, đầu tư cho tương lai, siêng năng làm việc, tinh thần kỷ luật cao, và đặt nặng vào giáo dục. Người Ghana không có những giá trị văn hóa giống người Hàn Quốc.

Các nhà học giả khác cũng đi đến một kết luận tương tự. Vào thập niên 1980s, Larry Harrison, một nhà nghiên cứu kinh tế xã hội thuộc Đại học Harvard và từng làm việc nhiều năm ở Châu Mỹ Latin, viết một cuốn sách *Underdevelopment is a State of Mind*, mà trong đó ông lí giải rằng chính cái văn hóa của Châu Mỹ Latin là hàng rào cản trở cho các nước vùng này phát triển. Cuốn sách gây ra một làn sóng phản đối dữ dội từ các nhà kinh tế Mỹ. Nhưng ngày nay, nhiều người thấy quan điểm này của Harrison rất có lí. **Văn hóa đã trở thành một yếu tố quyết định trong phát triển.**

Chúng ta có thể nhìn qua tình hình kinh tế của các quốc gia theo chủ nghĩa xã hội cũ để thấy sự quan trọng của văn hóa trong phát triển. Chẳng hạn như Ba